

Chi tiết mã HS 0307.29.40

Mã HS	0307.29.40
Mô tả hàng hóa	Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Điện và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae: / - - Loại khác: / - - - Hun khói
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 00:53:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03072940/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K680
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N680
Thuế GTGT (VAT)	*5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q680
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ680
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0/2	0 / 2 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
AKFTA	0/0(-MY)	0/0(-MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục A)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục B)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải

RCEP (Phụ lục C)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục D)	0/5,5	0 / 5,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục E)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục F)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VCFTA	2/2	2 / 2 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-EAEU	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E678
ATIGA	2022	2022	0	AT!E679
ATIGA	2023	2023	0	AT!F679
ATIGA	2024	2024	0	AT!G679
ATIGA	2025	2025	0	AT!H679
ATIGA	2026	2026	0	AT!I679
ATIGA	2027	2027	0	AT!J679
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E681
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F681
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G681
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H681

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I681
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J681
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E683
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F683
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G683
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H683
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I683
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J683
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)			AK!683
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H680
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F681
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G681
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H681
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I681
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J681
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K681
VKFTA	2022	2022	0	VK!E679
VKFTA	2023	2023	0	VK!F679
VKFTA	2024	2024	0	VK!G679
VKFTA	2025	2025	0	VK!H679
VKFTA	2026	2026	0	VK!I679
VKFTA	2027	2027	0	VK!J679
VCFTA	2022	2022		VC!688
VCFTA	2023	2023		VC!688
VCFTA	2024	2024		VC!688
VCFTA	2025	2025		VC!688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026		VC!688
VCFTA	2027	2027		VC!688
VN-EAEU	2022	2022		EAV!685
VN-EAEU	2023	2023		EAV!685
VN-EAEU	2024	2024		EAV!685
VN-EAEU	2025	2025		EAV!685
VN-EAEU	2026	2026		EAV!685
VN-EAEU	2027	2027		EAV!685
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D164
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E164
AHKFTA	2022	2022		AKH!694
AHKFTA	2023	2023		AKH!694
AHKFTA	2024	2024		AKH!694
AHKFTA	2025	2025		AKH!694
AHKFTA	2026	2026		AKH!694
AHKFTA	2027	2027		AKH!694
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D680
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E680
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F680
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G680
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H680
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I680
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D682
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E682
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F682
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H682
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I682
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D680
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E680
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F680
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G680
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H680
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I680
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J680
RCEP A	2022	2022		RCEPT-A!681
RCEP A	2023	2023		RCEPT-A!681
RCEP A	2024	2024		RCEPT-A!681
RCEP A	2025	2025		RCEPT-A!681
RCEP A	2026	2026		RCEPT-A!681
RCEP A	2027	2027		RCEPT-A!681
RCEP B	2022	2022		B!681
RCEP B	2023	2023		B!681
RCEP B	2024	2024		B!681
RCEP B	2025	2025		B!681
RCEP B	2026	2026		B!681
RCEP B	2027	2027		B!681
RCEP C	2022	2022		C!681
RCEP C	2023	2023		C!681
RCEP C	2024	2024		C!681
RCEP C	2025	2025		C!681
RCEP C	2026	2026		C!681

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027		C!681
RCEP D	2022	2022		D!681
RCEP D	2023	2023		D!681
RCEP D	2024	2024		D!681
RCEP D	2025	2025		D!681
RCEP D	2026	2026		D!681
RCEP D	2027	2027		D!681
RCEP E	2022	2022		E!681
RCEP E	2023	2023		E!681
RCEP E	2024	2024		E!681
RCEP E	2025	2025		E!681
RCEP E	2026	2026		E!681
RCEP E	2027	2027		E!681
RCEP F	2022	2022		F!681
RCEP F	2023	2023		F!681
RCEP F	2024	2024		F!681
RCEP F	2025	2025		F!681
RCEP F	2026	2026		F!681
RCEP F	2027	2027		F!681
VIFTA	2024	2024	*	VI!F669
VIFTA	2025	2025	*	VI!G669
VIFTA	2026	2026	*	VI!H669
VIFTA	2027	2027	*	VI!I669

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Độc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0307.29 có 2 dòng thuế; dòng 0307.29.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hun khói.	0307.29.30 Khô, muối hoặc ngâm nước muối	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0307.29.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0307.29.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N680), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.